

Số: 446/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 28 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non
trình độ đại học, hệ chính quy, khóa đào tạo 2018-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Trường khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Phú Yên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Giáo dục Mầm non (mã số 7140201)** trình độ đại học hệ chính quy, khoá đào tạo 2018-2022.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nh*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
anh
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
PHÚ YÊN
★
TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số *AA6* /QĐ-ĐHPY ngày *28* tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: GIÁO DỤC MẦM NON

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: GIÁO DỤC MẦM NON (Early Childhood Education)

Mã số: 7140201. Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Giáo dục mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) có tư tưởng đạo đức tốt, có năng lực, phẩm chất nghề nghiệp vững vàng, có tinh thần trách nhiệm với trẻ, có tư duy giáo dục hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của GDMN trong điều kiện nền kinh tế tri thức, có năng lực tiếp cận và phát triển chương trình GDMN mới, có tiềm lực nghiên cứu khoa học, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành GDMN.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Chuẩn đầu ra chung (về Lý luận chính trị, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Ngoại ngữ, Tin học)

Theo Chuẩn đầu ra chung các ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Phú Yên.

2.2. Kiến thức

- Hiểu biết về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn, kiến thức cơ sở ngành giáo dục mầm non để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo dục mầm non.

- Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên ngành vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

- Áp dụng thành thạo kiến thức về nghiệp vụ sư phạm: tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

2.3. Kỹ năng

- Lập được kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ; Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.

- Có kỹ năng quản lý lớp học: đảm bảo an toàn cho trẻ; xây dựng và thiết kế kế hoạch quản lý nhóm, lớp gắn với kế hoạch hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ; thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học, thiết kế giáo án điện tử.

- Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức làm việc nhóm, khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

2.4. Thái độ:

- Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, các quy định của ngành, quy định của trường, kỷ luật lao động.

- Yêu nghề, tận tụy với nghề, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ.

- Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp.

- Trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân và trẻ.

2.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tận tâm với nghề; có tinh thần cầu tiến, tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Chăm sóc, giáo dục trẻ bằng tình yêu thương, sự công bằng và trách nhiệm của một nhà giáo; Ứng xử chân tình, thân thiện với đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng.

- Có tinh thần đoàn kết, tương trợ đồng nghiệp, quan hệ chặt chẽ với gia đình và cộng đồng để hỗ trợ người học học tập và rèn luyện; Có ý thức tham gia các hoạt động chính trị xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.

2.6. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

- Làm giáo viên tại các trường và các cơ sở GDMN;

- Làm Cán bộ quản lý tại các trường, cơ sở Giáo dục Mầm non, các Phòng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Làm giảng viên tại các Trường Sư phạm đào tạo giáo viên mầm non.

2.7. Khả năng học tập nâng cao:

Học sau đại học chuyên ngành GDMN và nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 130 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (*chưa kể Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ*).

TT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Khối giáo dục đại cương (<i>chưa kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh</i>)	43	39	4
2	Khối giáo dục chuyên nghiệp	87	79	8
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	25	21	4
2.2	Kiến thức ngành	33	29	4
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	15	15	0
2.4	Thực tập sư phạm	7	7	0
2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	7	0
Tổng cộng		130	118	12

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Thực hiện theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHPY ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Cách thức đánh giá: Thực hiện theo Quyết định 430/QĐ-ĐHPY ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
7.1.	Kiến thức giáo dục đại cương		43	524	86	70	0	
7.1.1	Lý luận chính trị		10	150	0	0	0	
1	LC110012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	LC110113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin2	3	45	0	0	0	1
3	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	2
4	LC120113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	3
7.1.2	Ngoại ngữ		12	120	60	0	0	
5	NG116263	Tiếng Anh 1 (B1.1)	3	30	15	0	0	
6	NG116273	Tiếng Anh 2 (B1.2)	3	30	15	0	0	5
7	NG116283	Tiếng Anh 3 (B1.3)	3	30	15	0	0	6
8	NG116173	Tiếng Anh 4 (Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục Mầm non)	3	30	15	0	0	7
7.1.3	Khoa học xã hội và nhân văn		12	150	15	30	0	
	- Bắt buộc:		8	100	5	30	0	
9	XH116212	Tiếng Việt	2	25	5	0	0	
10	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	1
11	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
12	TL111132	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
	- Tự chọn: (4/6TC)		4	50	10	0	0	
13	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	26	4	0	0	
14	LC110132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	
15	LC120142	Đạo đức học	2	20	10	0	0	
7.1.4	Khoa học tự nhiên- công nghệ		9	104	11	40	0	
16	TN114042	Thống kê giáo dục	2	19	11	0	0	
17	TM122012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
18	TN143012	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	
19	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
7.1.5	Giáo dục thể chất		4	0	0	120	0	
20	TC150011	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	
21	TC151011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	20
22	TC152011	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	21
23	TC152071	Giáo dục thể chất 4	1	0	0	30	0	22
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh							
24	TC160018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165tiết				
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		87	796	69	640	0	
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành		25	286	24	130	0	
	-Bắt buộc:		21	231	19	130	0	
25	XH110092	Văn học trẻ em	2	30	0	0	0	
26	TN142202	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	30	0	0	0	
27	NT110902	Âm nhạc	2	15	0	30	0	

28	NT120702	Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
29	TM123422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	26	4	0	0	
30	TM123453	Vệ sinh - chăm sóc trẻ em	3	30	0	30	0	29
31	TM123442	Dinh dưỡng trẻ em	2	20	5	10	0	29
32	TL111152	Giáo dục hòa nhập	2	25	5	0	0	56
33	KC100122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non	2	15	0	30	0	19
34	TL110092	Giao tiếp với trẻ em	2	25	5	0	0	
	-Tự chọn: (4/6TC)		4	55	5	0	0	
35	TL111172	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
36	TL111142	Giáo dục gia đình	2	25	5	0	0	58
37	NT110712	Đàn phím điện tử	2	0	0	60	0	
7.2.2	Kiến thức ngành:		33	300	15	330	0	
	- Bắt buộc:		29	255	15	300	0	
38	TL120082	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
39	TL111183	Tổ chức hoạt động vui chơi	3	35	10	0	0	
40	NT111702	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	27
41	NT121723	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	30	0	30	0	28
42	TC143022	Phương pháp Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	23
43	TM122173	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán học cho trẻ em	3	30	0	30	0	17
44	TM121073	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	0	30	0	
45	TM121063	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	3	30	0	30	0	9
46	TM123213	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	25	5	30	0	
47	NT120712	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	28
48	NT112702	Múa và biên soạn động tác múa	2	0	0	60	0	
49	TM123511	Trải nghiệm thực tế	1	0	0	45 giờ	0	
	- Tự chọn (4/6TC)		4	45	0	30	0	
50	XH112002	Văn học dân gian	2	30	0	0	0	
51	NT120722	Nghệ thuật tạo hình	2	15	0	30	0	28
52	TC132022	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	42
7.2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		15	140	25	120	0	
53	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	1
54	TL110082	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	1
55	TL111102	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	1
56	TL111133	Giáo dục học mầm non	3	35	10	0	0	55
57	TL110001	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	53
58	TL110081	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	57
59	TL110091	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	58
60	TL110101	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	59
61	TL111202	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	54,56
7.2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp		7	0	0	315 giờ	0	
62	DT100027	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (10 tuần)	7	0	0	315	0	

						giờ		
7.2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		7					
	Khoá luận tốt nghiệp		7					
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7	70	5	60	0	
63	NT121732	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2	15		30		
64	TM121043	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	30	0	30	0	25
65	TL111162	Nghề Giáo viên mầm non	2	25	5	0	0	56
Tổng cộng			130	1320	155	710 + 360	0	

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

8.1. Học kỳ I: 15 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC110012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	NG116263	Tiếng Anh 1(B1.1)	3	30	15	0	0	
3	TC150011	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	
4	TM122012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
5	TN142202	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	30	0	0	0	
6	XH116212	Tiếng Việt	2	25	5	0	0	
7	TL120082	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
8	XH110092	Văn học trẻ em	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			15	205	20	0	0	

8.2. Học kỳ II: 17 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC110113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	45	0	0	0	
2	NG116273	Tiếng Anh 2 (B1.2)	3	30	15	0	0	
3	TC151011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	
4	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
5	TL110082	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	
6	TN114042	Thống kê giáo dục	2	19	11	0	0	
7	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
8	TN143012	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			17	199	36	40	0	

8.3. Học kỳ III: 16 TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
-Bắt buộc:			12	130	20	60	0	
1	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
2	NG116283	Tiếng Anh 3 (B1.3)	3	30	15	0	0	
3	TC152011	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	
4	NT120702	Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
5	TL111102	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	
6	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
7	TL110001	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	
-Tự chọn:			4	50	10	0	0	
8	XH140012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	26	4	0	0	Chọn 4/6 TC
9	LC110132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	
10	LC120142	Đạo đức học	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			16	180	30	60	0	

8.4. Học kỳ IV: 18 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC120113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	
2	NG116173	Tiếng Anh 4 (Tiếng Anh chuyên ngành Mầm non)	3	30	15	0	0	
3	NT110902	Âm nhạc	2	15	0	30	0	
4	TL111133	Giáo dục học mầm non	3	35	10	0	0	
5	TM123422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	26	4	0	0	
6	TL110081	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	
7	TL110092	Giao tiếp với trẻ em	2	25	5	0	0	
8	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
9	TC152071	Giáo dục thể chất 4	1	0	0	30	0	
10	TC160018	Giáo dục Quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165tiết				
Tổng cộng			18	191	34	90	0	

8.5. Học kỳ V: 17 TC (bắt buộc: 13 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			13	90	0	180	0	
1	NT112702	Múa và biên soạn động tác múa	2	0	0	60	0	
2	TM122173	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ em	3	30	0	30	0	
3	TM123511	Tham quan thực tế	1	0	0	45 giờ	0	1 tuần
4	NT121723	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	30	0	30	0	
5	TL110091	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	
6	TM121063	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	30	0	30	0	
- Tự chọn:			4	55	5	0	0	
7	TL111172	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	Chọn 4/6 TC
8	TL111142	Giáo dục gia đình	2	25	5	0	0	
9	NT110712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	
Tổng cộng			17	145	5	180+ 45 giờ	0	

8.6. Học kỳ VI: 18 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	TL111183	Tổ chức hoạt động vui chơi	3	35	10	0	0	
2	TM121073	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	30	0	30	0	
3	NT111702	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	
4	TM123453	Vệ sinh – chăm sóc trẻ em	3	30	0	30	0	
5	TC143022	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
6	TL111152	Giáo dục hòa nhập	2	25	5	0	0	
8	TL110101	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	
9	TL111132	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			18	180	15	150	0	

8.7. Học kỳ VII: 15 TC (bắt buộc: 11 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
	- Bắt buộc		11	105	10	100	0	
1	NT120712	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
2	TM123213	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	25	5	30	0	
3	TL111202	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
4	TM123442	Dinh dưỡng trẻ em	2	20	5	10	0	
5	KC100122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non	2	15	0	30	0	
	- Tự chọn (4/6TC)		4	45	0	30	0	
6	XH112002	Văn học dân gian	2	30	0	0	0	Chọn 4/6 TC
7	NT120722	Nghệ thuật tạo hình	2	15	0	30	0	
8	TC132022	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	
Tổng cộng			15	150	10	130	0	

8.8. Học kỳ VIII: 14 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	DT100027	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	7	0	0	315 giờ	0	10 tuần
2	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		7					
2a	Khóa luận tốt nghiệp		7					
2b	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7	70	5	60	0	
1	NT 121732	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
2	TL111162	Nghề giáo viên mầm non	2	25	5	0	0	
3	TM121043	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	30	0	30	0	
Tổng cộng			14	70	5	60 + 315 giờ	0	

9. Mô tả văn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất – ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; phép biện chứng và phép biện chứng duy vật; các nguyên lý cơ bản, các phạm trù và quy luật của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; tồn tại xã hội và ý thức xã hội; hình thái kinh tế - xã hội; đấu tranh giai

cấp và cách mạng xã hội; quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về kinh tế - chính trị học Mác - Lênin: Học thuyết giá trị và giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Đặc biệt nhấn mạnh sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước ta trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đường lối của Đảng về tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm: đường lối về công nghiệp hóa, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng hệ thống chính trị, về xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, về đối ngoại; trong đó tập trung chủ yếu vào đường lối xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới.

9.5. Tiếng Anh 1 (B1.1) **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ bậc 3 (B1.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.6. Tiếng Anh 2 (B1.2) **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1 (B1.1)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ bậc 3 (B1.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.7. Tiếng Anh 3 (B1.3) **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2 (B1.2)

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ bậc 3 (B1.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Cuối học phần này, sinh viên có thể tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh bậc 3.

9.8. Tiếng Anh 4 (Tiếng Anh chuyên ngành Mầm non)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3 (B1.3)

Học phần cung cấp cho sinh viên sinh viên ngành Mầm non cách thức dạy cho trẻ nhận biết và nói những từ vựng đơn giản thông qua tranh ảnh, tổ chức các trò chơi có sử dụng tiếng Anh, dạy các bài hát đơn giản hoặc kể chuyện bằng tiếng Anh cho trẻ. Học phần giúp sinh viên tạo được còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và dịch về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành mầm non nhằm đáp ứng việc nghiên cứu trong công tác chuyên môn.

9.9. Tiếng Việt

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về Tiếng Việt: ngữ âm tiếng Việt; từ vựng tiếng Việt; ngữ pháp Tiếng Việt. Trang bị cho sinh viên công cụ hỗ trợ thực hiện nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

9.10. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.

9.11. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non. Sinh viên được tích lũy kiến thức, rèn kỹ năng nghề, tăng cường kỹ năng sống; Phát huy năng lực, phẩm chất trong hoạt động thực tế của nghề nghiệp; Tăng cường khả năng tự làm chủ bản thân, chủ động, tích cực giải quyết các tình huống của nghề nghiệp và cuộc sống; Tạo tính năng động, có thể thích ứng với những biến đổi của đời sống; Khơi dậy khát khao sáng tạo, tìm được cách giải quyết tối ưu những vấn đề đặt ra đối với nghề nghiệp và cuộc sống.

9.12. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

9.13. Cơ sở văn hoá Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, về tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam, như văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội....

Học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

9.14. Mỹ học đại cương**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại, có hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học, từ đó giúp cho sinh viên có ý thức và khả năng cảm thụ, đánh giá, sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật; góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ của sinh viên ngày càng phong phú và lành mạnh.

9.15. Đạo đức học**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản của đạo đức học như: nguồn gốc, tính chất, vai trò, nhiệm vụ của đạo đức, về phạm trù đạo đức, những nguyên tắc và những chuẩn mực đạo đức cần phải rèn luyện và giáo dục.

9.16. Thống kê giáo dục**2TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất làm nền tảng trong thống kê; ứng dụng thống kê hiện đại dùng để miêu tả các dữ kiện định tính, định lượng, giải thích, suy diễn các kết quả thu được qua các hoạt động giảng dạy, quản lý hay trong một cuộc nghiên cứu thuộc tâm lý – giáo dục; những định hướng xử lý, phân tích số liệu thống kê bằng phần mềm máy tính.

9.17. Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức về tập hợp, logic, số tự nhiên, các hình học và thống kê toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán học để hình thành biểu tượng Toán cho trẻ.

9.18. Môi trường và con người**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các kiến thức khái quát về môi trường, các chức năng chủ yếu của môi trường, vấn đề về ô nhiễm môi trường (hiệu ứng nhà kính, suy giảm tầng ôzôn...), vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, vấn đề dân số, lương thực – thực phẩm, vấn đề năng lượng và sự phát triển bền vững, mối quan hệ giữa con người và môi trường. Vấn đề giáo dục môi trường trong trường mầm non: phương pháp tiếp cận và các nội dung, hình thức tổ chức giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.

9.19. Tin học đại cương**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các phần:

- Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

9.20. Giáo dục thể chất 1	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Không	
Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tổ chất thể lực.	
9.21. Giáo dục thể chất 2	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)	
Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu uốn thân, một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ.	
9.22. Giáo dục thể chất 3 (chọn 1 trong 5 học phần)	1 TC
a. Cầu lông 1	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.	
Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.	
b. Bóng chuyền 1	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.	
Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.	
c. Bóng đá 1	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.	
Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.	
d. Bóng bàn 1	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.	
Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.	
e. Võ Cổ truyền 1	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.	
Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tổ chất thể lực cho cơ thể.	
9.23. Giáo dục thể chất 4 (chọn 1 trong 5 học phần)	1 TC
a. Cầu lông 2	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Cầu lông 1.	
Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn cầu lông; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.	
b. Bóng chuyền 2	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền 1.	
Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng chuyền; phổ biến luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.	
c. Bóng đá 2	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng đá 1.	
Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật bóng đá 7 người.	
d. Bóng bàn 2	1 TC
Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng bàn 1.	

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng bàn; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật đánh đôi.

e. Võ Cổ truyền 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Võ Cổ truyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn võ cổ truyền; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

9.24. Giáo dục quốc phòng – an ninh

8 TC

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh.

9.25. Văn học trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên về những nội dung cơ bản của văn học trẻ em trong và ngoài nước. Cụ thể:

- Văn học dân gian cho trẻ em: ý nghĩa của văn học dân gian trong đời sống tinh thần của trẻ thơ; giới thiệu các thể loại truyện kể dân gian và thơ ca dân gian; phân tích những tác phẩm tiêu biểu phù hợp với trẻ mầm non.

- Văn học trẻ em Việt nam: giới thiệu các giai đoạn phát triển của văn học trẻ em Việt Nam; những tác giả tiêu biểu sáng tác cho trẻ mầm non và các tác phẩm phù hợp với các em.

- Văn học trẻ em nước ngoài: giới thiệu tình hình sáng tác cho các em ở nhiều nước trên thế giới ; một số tác giả tiêu biểu viết cho trẻ em.

9.26. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể trẻ. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.

9.27. Âm nhạc

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này nhằm giúp cho sinh viên hiểu biết về nhạc lý cơ bản : độ dài, độ cao của nốt nhạc một số ký hiệu thường gặp trong âm nhạc, phách nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung quãng, điệu thức gam giọng, dịch giọng, hợp âm, các ký hiệu.

Kỹ thuật ca hát cơ bản: Giới thiệu bộ máy phát âm, hơi thở, tư thế ca hát, các xoang cộng minh và tổ chức âm thanh, Các kỹ năng hát, một số kỹ thuật hát, luyện tập các kỹ thuật hát và thể hiện bài hát.

9.28. Mỹ thuật

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về mỹ thuật bao gồm: những kiến thức và kỹ năng về cơ sở tạo hình, vẽ hình họa, vẽ trang trí, vẽ tranh, vẽ mỹ thuật, tạo hình xé – cắt dán, nặn cơ bản.

9.29. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh và các cách cấp cứu tai nạn thường gặp ở trẻ em. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.

9. 30. Vệ sinh - chăm sóc trẻ em

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh thường gặp, các kiến thức về vệ sinh trẻ em, vệ sinh trường mầm non; tầm quan trọng của

những năm đầu đời đối với sự phát triển của trẻ, các kiến thức và kỹ năng về chăm sóc trẻ thời kì trong bụng mẹ, chăm sóc trẻ từ 0- 6 tuổi (chú trọng vào việc vệ sinh chăm sóc trẻ về thân thể, mắt, tai, mũi, họng, trang phục và nuôi dưỡng trẻ trong mỗi giai đoạn phát triển).

9.31. Dinh dưỡng trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng và đặc điểm các nhóm thực phẩm; các kiến thức về xây dựng thực đơn, tính toán khẩu phần ăn cho trẻ; kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như những phương pháp giáo dục dinh dưỡng trẻ em ở trường mầm non; các bài tập thực hành về chế biến các món ăn cho trẻ mầm non.

9.32. Giáo dục hòa nhập

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập (GDHN): Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của GDHN; GDHN trên thế giới và ở Việt Nam.

Các hình thức tổ chức GDHN; các nguyên tắc GDHN; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

9.33. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Một số kiến thức cơ bản về sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học ở mầm non; giới thiệu một số ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở mầm non (chủ yếu đề cập đến việc thiết kế và trình bày bài giảng bằng Power Point, sử dụng phần mềm giáo dục để dạy học và khai thác Internet).

9.34. Giao tiếp với trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề chung về giao tiếp: khái niệm, các loại giao tiếp, các thành tố và nguyên tắc giao tiếp. Giao tiếp và quá trình xã hội hóa của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Phát triển giao tiếp cho trẻ dưới 3 tuổi, từ 3 đến 6 tuổi.

9.35. Đánh giá trong Giáo dục mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động trong nghề nghiệp của GVMN và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình GDMN)

9.36. Giáo dục gia đình

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về lý luận giáo dục gia đình: chức năng, các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục gia đình. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục gia đình. Mối quan hệ giữa gia đình với nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục trẻ em. Ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế xã hội đối với giáo dục mầm non trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

9.37. Đàn phím điện tử

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần: Giúp sinh viên bước đầu làm quen và sử dụng được đàn phím điện tử làm phương tiện giảng dạy và giáo dục âm nhạc cho trẻ. Nắm được một số kỹ thuật luyện ngón cơ bản ở tay phải và tay trái. Ứng dụng đàn một số bài hát phục vụ dạy học Mầm non.

9.38. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên tri thức về các nguyên tắc xây dựng chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non theo hướng tiếp cận tích hợp; hình thành ở người học những kỹ năng xây dựng, thiết kế kế hoạch giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo chương trình chăm sóc, giáo dục mầm non.

9.39. Tổ chức hoạt động vui chơi

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về trò chơi trẻ em; bao gồm:

- Khái niệm hoạt động vui chơi; các loại trò chơi; ý nghĩa của hoạt động vui chơi. Sự hình thành và phát triển các loại trò chơi trong độ tuổi mầm non: trò chơi giả bộ (trò chơi phản ánh sinh hoạt và trò chơi đóng vai), trò chơi xây dựng, trò chơi có luật. Đánh giá mức độ phát triển hoạt động vui chơi của trẻ.

- Vị trí hoạt động vui chơi trong chương trình GDMN. Vai trò của người lớn đối với sự phát triển hoạt động chơi của trẻ. Phương pháp hướng dẫn trẻ chơi. Ý nghĩa, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các thời điểm vui chơi trong ngày của trẻ. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non

9.40. Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Lý luận và thực hành của chương trình bộ môn hướng tới việc cung cấp và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động và đánh giá khả năng hoạt động của trẻ em bằng hệ thống các phương pháp, hình thức phù hợp với xu hướng phát huy tính tích cực của trẻ, đảm bảo nguyên tắc tiếp cận tích hợp.

9.41. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Học phần này cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

- Những vấn đề tâm lý cơ bản về sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em; mục đích, nhiệm vụ, nội dung phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các độ tuổi.

- Lý luận và thực hành của chương trình bộ môn hướng tới việc cung cấp và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động và đánh giá khả năng hoạt động của trẻ em bằng hệ thống các phương pháp, hình thức phù hợp với xu hướng phát huy tính tích cực của trẻ, đảm bảo nguyên tắc tiếp cận tích hợp.

- Các yêu cầu cơ bản về việc lựa chọn tác phẩm và cách thức tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm nghệ thuật tạo hình; Sử dụng tác phẩm nghệ thuật tạo hình khi tổ chức các hoạt động giáo dục mang tính tích hợp.

9.42. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 4

Học phần này trang bị cho sinh viên 2 nội dung:

- Những vấn đề lý luận giáo dục thể chất, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất; mối quan hệ giữa lý luận giáo dục thể chất với các khoa học khác; sơ lược lịch sử giáo dục thể chất trên thế giới và ở Việt Nam; cơ sở khoa học của lý luận giáo dục thể chất.

- Quá trình giáo dục thể chất cho trẻ em, bao gồm: Mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và đánh giá hoạt động giáo dục thể chất của trẻ ở trường mầm non. Quá trình này luôn được cập nhật với xu thế đổi mới của ngành học như: “ tiếp cận tích hợp”, “dạy học hướng vào người học”.

9.43. Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán học cho trẻ em

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

Học phần cung cấp cho sinh viên:

Những vấn đề chung của quá trình hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non; đặc điểm hình thành biểu tượng toán ban đầu cho trẻ mầm non; phương pháp, hình thức, phương tiện hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non.

9.44. Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm cảm thụ và sáng tạo tác phẩm văn học của trẻ mầm non; vai trò và yêu cầu của các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non; chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu và tổ chức hoạt động đóng kịch cho trẻ mẫu giáo.

9.45. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp phát triển lời nói trẻ em với tư cách là một lĩnh vực khoa học (có đối tượng và phương pháp nghiên cứu); cung cấp các kiến thức về nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ, dạy trẻ các mẫu câu tiếng Việt, phát triển lời nói mạch lạc và lời nói nghệ thuật qua thơ, truyện dành cho trẻ nhỏ, chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở lớp 1 và giáo dục trẻ văn hoá giao tiếp ngôn ngữ.

9.46. Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học; những vấn đề lý luận chung của môn học (vai trò của tri thức đối với sự phát triển trẻ em, bản chất và đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em). Từ đó, xác định mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức và các phương tiện cho trẻ làm quen môi trường xung quanh.

9.47. Làm đồ chơi cho trẻ mầm non **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm:

Những vấn đề chung về đồ chơi: cơ sở lý luận về đồ chơi, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ chơi: đồ chơi xây dựng, đồ chơi học tập, đồ chơi có chủ đề, đồ chơi sân khấu và âm nhạc, đồ chơi trang trí và hài hước; một số mẫu đồ chơi khác bằng vật dụng thiên nhiên, phế liệu.

9.48. Múa và biên soạn động tác múa **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm: Một số kỹ thuật cơ bản về nghệ thuật múa, nhập môn các động tác tay không, giới thiệu một số chất liệu múa cơ bản: Các động tác múa mĩ, Dân tộc H, Mông, Dân tộc thái, Dân tộc Tây Nguyên, Dân tộc Tày; một số kỹ năng múa, các động tác trong chất liệu múa dân gian Việt Nam; các tổ hợp múa dân gian Việt Nam; một số vũ điệu quốc tế.

Biên soạn và biên đạo các tiết mục múa độc lập, múa minh họa cho ca khúc ở trường Mầm non.

9.49. Trải nghiệm thực tế **1 TC**

Tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế ngoại tỉnh với các nội dung: tìm hiểu một số di tích lịch sử, các công trình kiến trúc, điêu khắc, những danh lam, thắng cảnh, những nét văn hóa ở một số vùng miền... nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và làm giàu vốn kiến thức, vốn sống... phục vụ cho việc dạy học các phân môn Tự nhiên – Xã hội, Mỹ thuật, Âm nhạc, Tiếng Việt và Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường Mầm non. Đồng thời rèn luyện một số kỹ năng cần thiết cho sinh viên: kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu thập và lưu trữ thông tin, kỹ năng viết báo cáo thu hoạch.

9.50. Văn học dân gian

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phân gồm:

Cung cấp kiến thức về những đặc điểm cơ bản và hệ thống thể loại của văn học dân gian Việt Nam.

Bước đầu trang bị cho sinh viên vốn kiến thức cần thiết để sinh viên có điều kiện thuận lợi khi tiếp cận với các học phần văn học khác.

9.51. Nghệ thuật tạo hình

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình; từ khái niệm đến kiến thức cụ thể của từng phân môn như: Khái niệm về nghệ thuật tạo hình, luật xa gần; giải phẫu tạo hình; Hội họa, Đồ họa-Trang trí, Điêu khắc. Trang bị những cơ sở cho sinh viên học tốt phần làm đồ chơi cho trẻ và hướng dẫn hoạt động tạo hình.

9.52. Thể dục nghệ thuật

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng thể dục nhịp điệu gồm 12 động tác, bài thể dục với vòng gồm 32 động tác và bài thể dục với lụa gồm 10 động tác.

9.53. Tâm lý học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương; hiện tượng tâm lý người; nguồn gốc và bản chất các hiện tượng tâm lý; các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của hiện tượng tâm lý người, tạo cơ sở cho việc tiếp thu các học phần khác về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, các học phần giáo dục học (Giáo dục học đại cương, Hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục: Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên, Thực tập sư phạm); bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lý người.

9.54. Tâm lý học trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tâm lý học trẻ em và những đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em từ lọt lòng đến 3 tuổi. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo (3- 6 tuổi), những kiến thức về tâm lý học sư phạm và nhân cách người giáo viên mầm non.

9.55. Giáo dục học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Những vấn đề cơ bản về khoa học giáo dục: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, các phạm trù cơ bản của khoa học giáo dục và xu hướng phát triển của giáo dục Việt Nam và trên thế giới. Vai trò của giáo dục và các yếu tố khác đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Sơ lược Lịch sử giáo dục thế giới. Mục đích, nhiệm vụ giáo dục và những con đường giáo dục cơ bản trong nhà trường: dạy học, tổ chức các hoạt động lao động, xã hội tập thể, vui chơi... Một số quan điểm về giáo dục mầm non.

9.56. Giáo dục học mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức:

- Những vấn đề chung của giáo dục học mầm non.
- Các nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non (giáo dục sức khỏe, giáo dục trí tuệ, giáo dục tình cảm - đạo đức xã hội cho trẻ) và vai trò của giáo viên mầm non trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

Học phần này còn trang bị cho sinh viên lý luận và kỹ năng về:

- Tổ chức các hoạt động (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, học tập, lao động...) và chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường Mầm non theo hướng tích hợp.

- Tổ chức ngày hội, lễ ở trường Mầm non
- Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.
- Đánh giá các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường Mầm non.

9.57. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (1)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Học tập, rèn luyện những kỹ năng chung; rèn phong cách văn hóa sư phạm trong giao tiếp, tìm hiểu vị trí, mục tiêu đào tạo, cơ cấu tổ chức của trường mầm non.

Học tập, rèn luyện những kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo: kỹ năng viết, kỹ năng nói...

9.58. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (2)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (1)

Học tập, rèn luyện những kỹ năng chung: tìm hiểu tâm lý trẻ mầm non; Nghiên cứu giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.

Học tập, rèn luyện những kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo: Thiết kế các loại kế hoạch.

9.59 Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (3)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (2)

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khỏi nhà trẻ:

- Rèn kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ (đón trẻ, trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, dinh dưỡng cho trẻ), dự giờ quan sát thực tế dạy học tại trường Mầm non.

- Tập giảng, rút kinh nghiệm.

9.60. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (4)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (3)

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khỏi mẫu giáo:

- Thực hành kỹ năng: chăm sóc trẻ, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động chung.

- Dự giờ quan sát hoạt động dạy học tại trường mầm non. Tổng kết, rút kinh nghiệm.

9.61. Quản lý nhà trường

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non, Tâm lý học trẻ em.

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành GDMN hệ thống tri thức về quản lý nhà trường mầm non: Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường mầm non; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường mầm non; Phát triển chương trình nhà trường mầm non theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên mầm non; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường mầm non của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của trẻ; Quản lý chất lượng giáo dục mầm non; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường mầm non; Quản lý tài chính trường mầm non theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường mầm non trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường mầm non; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường mầm non.

9.62. Thực tập sư phạm tốt nghiệp

7 TC

Củng cố và nâng cao các kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy học và giáo dục trẻ, tiếp tục rèn luyện các kỹ năng dạy học và giáo dục, kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục.

9.63. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần: Một số kiến thức chung về hoạt động trải nghiệm sáng tạo, đặc điểm của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục mầm non; phát triển

khả năng sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình. Thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình của trẻ theo hướng đổi mới Hoạt động tạo hình ở trường mầm non. Hướng dẫn tiêu chí và thang điểm đánh giá khả năng sáng tạo của trẻ.

9.64. Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn học trẻ em

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm tác phẩm văn học theo loại thể, nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học theo loại thể; cách tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học theo loại thể; rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học trong chương trình giáo dục mầm non.

9.65. Nghề giáo viên Mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Cung cấp các kiến thức cơ bản về: Nghề, nghề giáo viên và nghề giáo viên Mầm non; nhiệm vụ của giáo viên Mầm non; Đặc điểm hoạt động sư phạm của giáo viên Mầm non; Các kỹ năng nghề nghiệp và giao tiếp của giáo viên Mầm non; Con đường hình thành nghề giáo viên Mầm non; Chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Lăng, 1968, Phó Hiệu trưởng	GVC, 2006	TS, Việt Nam, 2014	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -Lênin 1
2	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó Trưởng phòng Đào tạo	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác- Lênin 2
3	Trần Văn Tàu, 1975, Trưởng BM Tư tưởng Hồ Chí Minh	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	- Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam - Đạo đức học
5	Hồng Ái Nga, 1970, TBM Tiếng Anh không chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1
6	Nguyễn Thị Xuân Duyên, 1971, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2007	Anh văn	Tiếng Anh 2
7	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 3
8	Hoàng Vân Hà, 1966, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2008	Anh văn	Tiếng Anh 4
9	Nguyễn Thị Liên, 1974, Phó trưởng khoa GDTH - MN	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ	- Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non - Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
10	Nguyễn Thị Phượng, 1975, Phó trưởng khoa PT. Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật đại cương
11	Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, Phó Trưởng khoa Khoa Tâm lý Giáo dục	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Văn học	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
12	Lê Bạt Sơn, 1969, Viên chức Phòng HSSV	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Quản lý giáo dục	- Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục - Quản lý nhà trường

13	Nguyễn Đình, 1961, Phó Hiệu trưởng phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn học	Cơ sở văn hoá Việt Nam
14	Nguyễn Thị Trang, 1974, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Chính trị	Mỹ học đại cương
15	Nguyễn Tiến Thành, 1960 Phó trưởng khoa GDTH&MN	GVC, 2011	Th, Việt Nam, 2003	Toán	Thống kê giáo dục
16	Nguyễn Tấn Khôi, 1961, Trưởng khoa GDTH&MN	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 1998	Toán giải tích	- Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán - Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ
17	Nguyễn Thị Ngạn, 1980, Trưởng BM PPGDTN- KT – XH	GV	Ths, Việt Nam, 2006	Địa lý tự nhiên	Môi trường và con người
18	Trần Minh Cảnh, 1968, Giảng viên	GV, 1993	Ths, Việt Nam, 2001	Khoa học máy tính	Tin học đại cương
19	Lê Đức Hiếu, 1980, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2001	GDTC	Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non
20	Trần Đắc Ân, 1966, Phó Trưởng khoa GDTC-GDQP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2002	GD Thể chất	- Giáo dục thể chất 1, 2 - Thể dục nghệ thuật
21	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	GD Thể chất	Giáo dục thể chất 3, 4
22	Trường quân sự tỉnh Phú Yên				Giáo dục Quốc phòng-an ninh
23	Nguyễn Thị Thu Trang, 1964, Phó Hiệu trưởng	GVC, 2004	TS, Việt Nam, 2009	Văn học	Văn học trẻ em
24	Nguyễn Thị Kiều Thu, 1965, Giảng viên	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 1999	Sinh học, Tài nguyên môi trường	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non
25	Trần Thị Hồng Vân, 1972, Phó Trưởng khoa Khoa Nghệ thuật	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	- Âm nhạc - PP tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em
26.					
27	Lê Thị Hoàng Diệp, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2017	GD Mầm non	Vệ sinh - chăm sóc trẻ Dinh dưỡng trẻ em
28	Châu Thị Hồng Nhự, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	Giáo dục hoà nhập Giáo dục học mầm non

29	Huỳnh Minh Giảng, 1969, Phó TP Khảo thí	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Khoa học Máy tính	Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non mầm non
30	Nguyễn Xuân Thành, 1978, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	Đàn phím điện tử
31	Phan Thị Lan, 1971, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Tâm lý học & GDH	- Tổ chức hoạt động vui chơi - Nghề giáo viên mầm non
32	Bùi Hữu Mô, 1960, Trưởng khoa Tâm lý giáo dục	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Tâm lý học & GDH	- Tâm lý học đại cương - Giao tiếp với trẻ em
33	Tôn Nữ Cẩm Hương, 1989, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Tâm lý học & GDH	Giáo dục gia đình
34	Võ Thị Ngọc Hoa, 1977, Phó Trưởng khoa Khoa học xã hội-nhân văn	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ đối chiếu	Tiếng Việt
35	Nguyễn Sơn Hà, 1960, giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2002	Quản lý giáo dục	- Tổ chức thực hiện chương trình GDMN - Đánh giá trong GD mầm non
36	Phan Thị Lan, 1972, Giảng viên	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	- PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em - Làm đồ chơi cho trẻ mầm non
37	Huỳnh Thị Như Huyền, 1975, Giảng viên	GVC 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Ngôn ngữ	PP đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học
38	Mai Thị Lê Hải, 1983, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2007	GD TH	PP hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
39	Nguyễn Thị Ái Thoa, 1981, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2007	Văn học Việt Nam	Văn học dân gian
40	Nguyễn Thành Vinh, 1970, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam 2012	Visuarart	Nghệ thuật tạo hình
41	Nguyễn Thế Dân, 1960, Giảng viên	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Tâm lý học & GDH	- Giáo dục học đại cương - Tâm lý trẻ em
42	Khoa GD TH MN, Khoa TLGD				Rèn luyện NVSP thường xuyên 1, 2, 3, 4
43	Phan Thị Thanh Thúy, 1983, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2016	Dàn dựng	Múa và biên soạn động tác múa
44	Đình Văn Tiên, 1965, Viên chức Phòng HSSV	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Hội họa	- Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. - Mỹ thuật

10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Văn Nhuận		Bác sĩ chuyên khoa 1		Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Trường Đại học Phú Yên có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Trường được quy hoạch thành khu vực với diện tích 25ha. Hiện tại, Nhà trường có 30 phòng học đạt chuẩn.

Các phòng học, phòng học chuyên dùng, phòng máy vi tính, các thiết bị và phương tiện dạy học được trang bị hiện đại đảm bảo phục vụ tốt cho công tác đào tạo chuyên ngành này.

- 1 Phòng dạy nấu ăn và 1 nhà ăn rộng 200m²
- 1 phòng dạy Mỹ thuật.
- 2 phòng dạy nhạc.
- 1 phòng dạy máy vi tính.
- 1 phòng thực hành Mầm non

11.2. Thư viện

Thư viện Trường Đại học Phú Yên có đầy đủ các đầu sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có đủ sách giáo trình tham khảo cho chuyên ngành đào tạo.

Đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (khoảng 10 nghìn đầu sách và 1236 m² sử dụng).

11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1.	Giáo trình Chủ nghĩa XH khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2015		Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1, 2
2.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2015		Tư tưởng Hồ Chí Minh
3.	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Giáo dục	2015		Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam
4.	New English File – Pre-intermediate (Student's book & Workbook)	Clive oxenden, Christina Iatham – Koenig, Paul	Oxford University Press	2005		Tiếng Anh 1, 2, 3

		Seligson			
5.	Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục Mầm non	Tài liệu lưu hành nội bộ	Trường ĐHSP Tp. Hồ Chí Minh		Tiếng Anh 4
6.	Tiếng Việt	Lê A (chủ biên)	Giáo dục	2007	Tiếng Việt
7.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục & Đào tạo	ĐHSP, Hà Nội	2015	Pháp luật đại cương
8.	Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh. Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh..	Nguyễn Thị Chi (Chủ biên) Trương Xuân Cảnh (Chủ biên)	Giáo dục	2017	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Võ Thị Ngọc Lan, Nguyễn Ngọc Tuấn (2012)	ĐHQG Tp HCM	2012	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
10	- Cơ sở văn hoá Việt Nam - Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (CB) Trần Ngọc Thêm	Giáo dục HN	1998 1999	Cơ sở văn hóa Việt Nam
11	Mỹ học đại cương	Đỗ Văn Khang	ĐHQG HN	2002	Mỹ học đại cương
12	Đạo đức học	PTS Phạm Khắc Chương; PGS,TS. Hà Nhật Thăng	Giáo dục	1998	Đạo đức học
13	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và logic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà Nội	1995	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
14	Giáo dục môi trường (tài liệu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học)	Lê Văn Trường – Nguyễn Kim Tiến	Giáo dục		Môi trường và con người
15	- Giáo trình tin học đại cương - Tin Học Văn Phòng Microsoft Office	-Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM -Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển	- Lao động – Xã hội -Thời Đại	2012 2014	Tin học đại cương
16	Giáo trình Thể dục	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2004	Thể dục
17	Giáo trình Điện kinh	Nguyễn Kim Minh	ĐHSP Hà Nội	2004	Điện kinh
18	Sách Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải Đào Chí Thành	ĐHSP	2004	Cầu lông 1,2
19	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2003	Bóng chuyền 1,2
20	Bóng đá: Giáo trình CĐSP	TS Phạm Quang	ĐHSP	2003	Bóng đá 1,2
21	GT Văn học trẻ em	Lã Thị Bắc Lý	ĐHSP	2005	Văn học trẻ em

22	Giáo trình sinh lý trẻ	- Nguyễn Thị Phi Loan, Nguyễn thị Kiều Thu , Đỗ Trọng Đăng,	ĐHPY	2012	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non
23	Giáo trình Mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	ĐHSP	2011	Mỹ thuật
24	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa (chủ biên)	Giáo dục	2008	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
25	Dinh dưỡng trẻ em	Lê Thị Mai Hoa	ĐH SP	2008	Dinh dưỡng trẻ em
26	Giáo trình phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ em	PGS.TS Hoàng Thị Phương	ĐHSP	2010	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ
27	Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng	Giáo dục	2008	Giáo dục hòa nhập
28	Giáo trình Lí thuyết và Thực hành tin học văn phòng	Hoàng Đức Hải, Nguyễn Đình Tê	LD&XH	2006	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non
29	Giáo dục Âm nhạc, tập 1	Phạm Thị Hòa, Ngô Thị Nam	ĐHSP	2007	Âm nhạc
30	Tập đề cương bài giảng (chưa có giáo trình)				Đàn phím điện tử
31	- Giáo tiếp với trẻ em. - Giáo trình kỹ năng giao tiếp	- Võ Duy Dân - Chu Văn Đức	Nhà in Phúc Yên, Hà Nội	2006 2005	Giáo tiếp với trẻ em
32	Giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn	Giáo dục	2008	Giáo dục gia đình
33	Nghề Giáo viên mầm non	Hồ Hồng Lam	Giáo dục	2008	Nghề giáo viên mầm non
34	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	Lao động	2008	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non
35	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường Mầm non	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giáo dục	2006	Tổ chức hoạt động vui chơi
36	Giáo dục âm nhạc, Tập 2	Phạm Thị Hòa	ĐHSP	2011	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em
37	Đánh giá trong giáo dục mầm non	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục	2008	Đánh giá trong giáo dục mầm non
38	PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	Lê Thanh Thúy	ĐHSP	2003	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
39	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ	Đặng Hồng Phương	Giáo dục	2008	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

40	Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với biểu toán ban đầu	Ths. Lê Thị Thanh Nga	Giáo dục	2003	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ em
41	PP hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học	Ngô Thái Sơn	Giáo dục	2006	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học
42	Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	Đình Hồng Thái	Giáo dục	2008	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em
43	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân	Giáo dục	2009	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
44	Thẻ dực nghệ thuật và Thẻ dực nhào lộn	Phạm Nguyên Phùng, Vũ Thị Thư	Giáo dục	2000	Thẻ dực nghệ thuật
45	Giáo trình mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	ĐHSP	2011	Nghệ thuật tạo hình
46	Tâm lí học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Hà Nội	2004	Tâm lý học đại cương
47	Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đình Thị Kim Thoa	ĐHSP	2004	Tâm lý học trẻ em
48	Giáo dục học đại cương	Bùi Thanh Huyền	Giáo dục	2006	Giáo dục học đại cương
49	- Giáo trình giáo dục học trẻ em (2 tập)	-Trịnh Dân	Giáo dục	2006	Giáo dục học mầm non
	- Giáo trình giáo dục học mầm non	-Đình Văn Vang	Giáo dục	2008	
50	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Nguyễn Việt Bắc	Giáo dục	2007	Rèn luyện NVSPTX 1, 2, 3, 4
51	Quản lý và lãnh đạo nhà trường	Bùi Minh Hiền – Nguyễn Vũ Bích Hiền	ĐHSP	2015	Quản lý nhà trường
52	Âm nhạc và múa	Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu	Giáo dục	2008	Múa và biên soạn động tác múa
53	Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ	Nguyễn Lăng Bình (chủ biên)	Nhà in Tạp chí Cộng sản	1996	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non
54	Phương pháp đọc diễn cảm	Hà Nguyễn Kim Giang	ĐHSP	2007	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học
55	Văn học dân gian Việt Nam	Đình Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn	Giáo dục	1997	Văn học dân gian

56	- Phát triển năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục của giáo viên	Lưu Thu Thủy, Trần Thị Tố Oanh	Giáo dục	2017		Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non
57	PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	Lê Thanh Thúy	ĐHSP	2003		Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non

11.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1.	Thực tập sư phạm của sinh viên năm thứ III hệ CĐSP	Phạm Trung Thanh	ĐHSP Hà Nội	2004		-TTSP 1 -TTSP 2
2.	Kiến tập và thực tập sư phạm (giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP)	Nguyễn Đình Chinh, Phạm Trung Thanh	Giáo dục	1998		-TTSP 1 -TTSP 2
3.	Thực tập sư phạm	Nguyễn Đình Chinh	Giáo dục	1991		-TTSP 1 -TTSP 2
4.	Giáo trình nhạc lí phổ thông	Phạm Trọng Cầu	Giáo dục	1998		Âm nhạc
5.	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	Phạm Tú Hương	Giáo dục	2000		Âm nhạc
6.	Hát 1	Ngô Thị Nam	ĐHSP	1995		Âm nhạc
7.	Múa dân tộc Việt Nam	TS. Lâm Tô Lộc	Văn hóa	1978		Múa và biên soạn động tác múa
8.	Khái niệm nghệ thuật múa	PTS Lê Ngọc Canh	Văn hóa thông tin	1997		Múa và biên soạn động tác múa
9.	Trẻ mầm non ca hát	Hoàng Văn Yến	Giáo dục	1995		Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em
10.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	PGS,PTS Nguyễn Thành Duy (chủ biên)	CTQG	1996		Tư tưởng Hồ Chí Minh
11.	Toán và PP hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ Mẫu giáo (T1&T2)	Đình Thị Nhung	ĐHSP	2003		Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em.
12.	Giáo dục học Mầm non	Đào Thanh Âm (CB)	ĐHSP Hà Nội	2002		Giáo dục học mầm non
13.	Giáo dục học	Hà Thế Ngữ Đặng Vũ Hoạt	Giáo dục	1987		Giáo dục học đại cương
14.	Giáo dục học đại cương	Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Văn Lê	Giáo dục	2000		Giáo dục học đại cương
15.	Mỹ học và GD thẩm mỹ	Phạm Việt Hoa,	ĐHSP Hà Nội	2005		Mỹ học đại cương

		Nguyễn T. Hoàng Yến			
16.	Giáo trình Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương	Giáo dục	2005	Mỹ học đại cương
17.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ (Q2)	Đặng Hồng Nhật	ĐHQG HN	2006	Làm đồ chơi cho trẻ em
18.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình (T1+2)	Nguyễn Lăng Bình, Nguyễn Xuân Hòa	Giáo dục	1996	- Mỹ thuật - Nghệ thuật tạo hình
19.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Đặng Hồng	ĐHQGHN	2006	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
20.	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Hà Nguyễn Kim Giang	Giáo dục	2000	-PP đọc diễn cảm tác phẩm văn học - PP cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
21.	Tiếng Việt và phương pháp phát triển lời nói cho trẻ em	Nguyễn Quang Ninh, Bùi Kim Tuyền, Luu Thị Lan	Giáo dục	1996	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em
22.	Giúp con bạn phát triển	Trung tâm nghiên cứu GDMN		2002	Giáo dục gia đình
23.	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa	ĐHSP	2002	Tâm lý học trẻ em
24.	Tâm lý trẻ em	Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thị Mai Hà	Hà Nội	1997	Tâm lý học trẻ em
25.	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	Lê Ánh Tuyết, Phạm Thị Việt, Đặng Thu Quỳnh	Giáo dục	1996	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh
26.	Giáo dục trẻ mẫu giáo qua truyện và thơ	Nguyễn Thu Thủy	Giáo dục	1986	PP làm quen với văn học
27.	Cẩm nang điều trị nhi khoa	GS. Nguyễn Thu Nhận	Y học	1991	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn
28.	Tâm lý học (tập 1,2)	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục, Hà Nội	1998	Tâm lý học đại cương
29.	Tâm lý học trẻ em trước tuổi học	Nguyễn Ánh Tuyết	Giáo dục	1998	Tâm lý học trẻ em
30.	Nuôi dạy con như thế nào	B.S,Pak	Phụ nữ	1974	Giáo dục gia đình
31.	Chương trình giáo dục mầm non	Bộ GD &ĐT		2007	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
32.	Phát triển chương trình giáo dục	Vụ giáo dục mầm non		2006	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN

	mầm non *kinh nghiệm Singapor* Chương trình GDMN Bộ GD &Đào tạo 2017					
33.	Tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non	Trần lan Hương	Lưu hành nội bộ			Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
34.	Cẩm nang quản lý nhà trường	Tập thể tác giả	Chính trị quốc gia	2006		Quản lý nhà trường mầm non
35.	Đánh giá trong giáo dục	Trần Bá Hoàn	Giáo dục	1997		Đánh giá trong giáo dục mầm non
36.	Tinh hoa quản lý	Tập thể tác giả	Lao động	2003		Quản lý nhà trường mầm non
37.	Nghệ thuật lãnh đạo quản lý	Lý Ân – Lý Dương	Thông kê	1999		Quản lý nhà trường mầm non
38.	Chương trình giáo dục mầm non	Bộ GD &ĐT		2007		Quản lý nhà trường mầm non
39.	Những cách thức của quản lý của thế kỉ XXI	Peter Drucker	Trẻ Hồ Chí Minh	2003		Quản lý nhà trường mầm non
40.	Đề nhà quản lý thành công	Richrd Sloma	Thông tin	1999		Quản lý nhà trường mầm non
41.	Phát triển chương trình giáo dục mầm non *kinh nghiệm Singapor*	Vụ giáo dục mầm non		2006		Quản lý nhà trường mầm non
42.	Tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non	Trần Lan Hương	Lưu hành nội bộ			Quản lý nhà trường mầm non
43.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học & kỹ thuật	1999		Phương pháp NCKH
44.	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm tại các trường phổ thông	Học viện quản lý giáo dục		2013		Phương pháp NCKH
45.	Cơ sở sinh thái học	Mai Đình Yên	Đại học Tổng hợp Hà Nội			PP hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh
46.	Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	TP. Hồ Chí Minh	1992		Cơ sở văn hóa Việt Nam
47.	Giá trị tinh thần truyền thống dân tộc của Việt Nam	Trần Văn Giàu	Khoa học xã hội, Hà Nội	1980		Cơ sở văn hóa Việt Nam
48.	Mỹ học đại cương	TS. Đỗ Văn Khang	Giáo dục	1997.		Mỹ học đại cương
49.	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và logic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà Nội	1995		Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

50.	Dinh dưỡng người	Lê Doãn Điền, Vũ Thị Thu	Y học	1996	Dinh dưỡng trẻ em
51.	Khoa học trong ăn uống	Vũ Định	Phụ nữ	1986	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ Dinh dưỡng trẻ em
52.	Các bài mẹ nuôi con cần biết	Lê Diễm Hương	Y học	1982	Dinh dưỡng trẻ em
53.	Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em	Trần Trọng Thủy, Trần Quy	Giáo dục	1998	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn
54.	Phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non	Lê Thị Kim Anh	Giáo dục	1999	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em
55.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình	Nguyễn Lăng Bình, Phan Việt Hoa	Hà Nội	1994	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
56.	Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam	Viện văn học	Giáo dục	1999	Văn học dân gian

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

- Giảng viên: Có trình độ theo đúng chuẩn chức danh nghề nghiệp, đảm bảo yêu cầu giảng dạy Đại học

- Sinh viên: Việc đánh giá kết quả người học, học theo tiến độ nhanh, tiến độ chậm; học cùng lúc hai chương trình; chuyển trường; xét tốt nghiệp... của chương trình ngành Giáo dục Mầm non được thực hiện theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHPY ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

- Danh mục và khối lượng các học phần quy định tại mục 7 gồm 2 phần: Những học phần bắt buộc sinh viên phải thực hiện; Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.

12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời

- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.

- Tập dượt cho sinh viên NCKH.

12.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

Phòng học, phòng thực hành

- 1 phòng dạy Mỹ thuật.

- 2 phòng dạy nhạc.

- 1 phòng máy vi tính.

- Phòng Thực hành Mầm non

- Thư viện, học liệu

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Định